

Đơn vị: Cục Biến đổi khí hậu
Chương: 026
Mã ĐVSDNN: 1119581

BIỂU SỐ 01
QUYẾT TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐKH ngày tháng 6 năm 2025 của Cục trưởng Cục Biến đổi khí hậu)

Đơn vị: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	68.351.731.039	68.351.731.039	-	
I	Nguồn ngân sách trong nước	55.181.447.222	55.181.447.222	-	
1	Chi quản lý hành chính (Loại 340 - khoản 341)	10.255.786.678	10.255.786.678	-	
2	Chi sự nghiệp khoa học (Loại 100 - khoản 103)	5.613.330.538	5.613.330.538	-	
3	Chi sự nghiệp kinh tế (Loại 280 - khoản 332)	2.174.375.000	2.174.375.000	-	
4	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường (Loại 250 - khoản 278)	37.137.955.006	37.137.955.006	-	
II	Nguồn vốn viện trợ	13.170.283.817	13.170.283.817	-	
1	Chi sự nghiệp kinh tế (Loại 280 - khoản 332)	2.352.092.395	2.352.092.395	-	
2	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường (Loại 250 - khoản 278)	10.818.191.422	10.818.191.422	-	

Đơn vị: Cục Biến đổi khí hậu
Chương: 026
Mã ĐVSDNN: 1119581

BIỂU SỐ 02
QUYẾT TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐKH ngày tháng 6 năm 2025 của Cục trưởng Cục Biến đổi khí hậu)

STT	CHỈ TIÊU	Tổng cộng	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc				Ghi chú
			Văn phòng Cục	Trung tâm Ứng phó biến đổi khí hậu	Trung tâm Phát triển các-bon thấp	Ban Quản lý dự án CBIT	
1	2	3	4	5	6	7	8
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí						
I	Số thu phí, lệ phí						
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại						
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước						
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	68.351.731.039	29.624.157.677	19.819.120.482	12.052.091.000	6.856.361.880	
I	Nguồn ngân sách trong nước	55.181.447.222	22.992.235.740	19.819.120.482	12.052.091.000	318.000.000	
1	Chi quản lý hành chính (Loại 340 - khoản 341)	10.255.786.678	10.255.786.678				
2	Chi sự nghiệp khoa học (Loại 100 - khoản 103)	5.613.330.538	71.000.000	3.093.810.538	2.448.520.000		
3	Chi sự nghiệp kinh tế (Loại 280 - khoản 332)	2.174.375.000	1.535.375.000	203.000.000	436.000.000		
4	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường (Loại 250 - khoản 278)	37.137.955.006	11.130.074.062	16.522.309.944	9.167.571.000	318.000.000	
II	Nguồn vốn viện trợ	13.170.283.817	6.631.921.937			6.538.361.880	
1	Chi sự nghiệp kinh tế (Loại 280 - khoản 332)	2.352.092.395	2.352.092.395				
2	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường (Loại 250 - khoản 278)	10.818.191.422	4.279.829.542			6.538.361.880	